

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 240/2022/HS-PT  
Ngày: 31-10-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Toàn

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Duy Tuấn, ông Nguyễn Duy Thuần.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ái V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 242/2022/TLHS-PT ngày 04/10/2022, đối với bị cáo Trần Đình M và đồng phạm về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Đình M và Phan Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Bị cáo: Trần Đình M;** sinh năm 1973, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Đình D, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1931 (đã chết); bị cáo có vợ là Phan Thị H; và có 04 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị cáo: Phan Thị H;** sinh năm 1976, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn L, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Ngô Thị N, sinh năm 1937; bị cáo có chồng là Trần Đình M; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2020, do làm ăn thua lỗ và nợ

tiền của nhiều người nên Trần Đình M đã thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) của gia đình M và làm giả cho người khác, mục đích sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng vay tiền tiêu dùng và trả nợ, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng tháng 10/2017, Trần Đình M và vợ là Phan Thị H bàn bạc, thống nhất thuê người làm giả GCNQSDĐ để vay thế chấp tại Ngân hàng lấy tiền trả nợ. Sau đó, M dùng máy điện thoại di động (*số điện thoại 0944415779*) lên mạng xã hội thì thấy có một trang Website đăng nhận làm giả GCNQSDĐ, nên M dùng điện thoại này liên lạc qua Facebook thì gặp một người đàn ông (*chưa xác định được nhân thân, lý lịch*) để nhờ người này làm giả cho M 02 GCNQSDĐ giống với 02 GCNQSDĐ thật của gia đình M thì người này đồng ý làm với giá tổng cộng là 20.000.000 đồng. Người này yêu cầu M cung cấp thông tin cần thiết như họ tên, năm sinh, địa chỉ, sổ chứng minh nhân dân của vợ chồng M và hình ảnh GCNQSDĐ thật, địa chỉ thửa đất... qua tin nhắn Facebook.

Khoảng 10 ngày sau, M nhận được 02 GCNQSDĐ gửi qua đường bưu điện, gồm: GCNQSDĐ số V545193, số thửa 15850, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ghi nơi cấp là Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 17/04/2001 đứng tên Trần Đình M, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và 01 GCNQSDĐ số BH002930, số thửa 16348, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ghi nơi cấp là Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/09/2013 đứng tên Trần Đình M, sinh năm 1973, CMND số: 241898392, địa chỉ thường trú thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và bà Phan Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ thường trú thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (*Về tiền thuê làm GCNQSDĐ giả, M đã thanh toán thông qua tài khoản Ngân hàng cho người này số tiền 20.000.000 đồng*).

Đến ngày 17/12/2017, M cùng với vợ là Phan Thị H liên hệ với Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch H (viết tắt là Ngân hàng S) để vay thế chấp 02 GCNQSDĐ giả này với Ngân hàng. Sau khi thẩm định hồ sơ và xác minh thì Ngân hàng đồng ý làm hợp đồng vay thế chấp 02 GCNQSDĐ trên với số tiền vay là 600.000.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu M và H đi công chứng hợp đồng vay thế chấp và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Sau khi công chứng hợp đồng xong, M sợ khi đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C sẽ bị phát hiện nên M liên hệ lại với người đàn ông đã làm GCNQSDĐ giả và nhờ làm giả nội dung đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trên Trang bổ sung Giấy chứng nhận, thì người này đồng ý. M gửi 02 GCNQSDĐ giả trên cho người đàn ông này. Khoảng 2 ngày sau, M nhận lại 02 GCNQSDĐ trên (*trong đó GCNQSDĐ số*

V545193 có bổ sung thêm phần những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận) và 01 tờ giấy ghi trang bổ sung GCNQSDĐ số BH002930 có đóng dấu giả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cư Kuin và M đã trả thêm cho người này 3.000.000 đồng tiền công. Sau đó, M nộp hồ sơ cho Ngân hàng và được Ngân hàng giải ngân cho M và H vay số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, M và H sử dụng số tiền này trả nợ. Đến ngày 16/12/2020, M và H trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng rồi lấy 02 GCNQSDĐ giả ra.

Mấy ngày sau, M và H liên hệ với Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch C (viết tắt là Ngân hàng S) để làm hồ sơ vay thế chấp 02 GCNQSDĐ giả này. Sau khi thẩm định và xác minh thì Ngân hàng đồng ý làm hợp đồng vay thế chấp hai GCNQSDĐ trên với số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 24/12/2020, M và H đến công chứng hợp đồng thế chấp tài sản tại Văn phòng công chứng C thì Văn phòng Công chứng C phát hiện 02 GCNQSDĐ này có dấu hiệu giả nên đã trình báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin để giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng tháng 11/2019, Trần Đình M đến quán ăn của Phạm Thị Vân H1 (sinh năm 1975, trú tại thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) để ăn sáng thì Vân H1 và M nói chuyện với nhau về việc Vân H1 đang còn nợ tiền gia đình M. M nói với Vân H1 là Trần Thị Q (sinh năm 1963, trú tại thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) có thể vay tiền giúp Vân H1. Do vậy, ngày hôm sau, Vân H1 đến nhà Q để hỏi nội dung vay số tiền 30.000.000 đồng, thì Q nói Vân H1 làm GCNQSDĐ giả để vay vốn Ngân hàng. Nghe vậy, Vân H1 đồng ý nên Q yêu cầu Vân H1 photocopy GCNQSDĐ của thửa đất nơi Vân H1 đang ở để Q nhờ người làm giả GCNQSDĐ như đã thỏa thuận. Khoảng 10 ngày sau, Vân H1 photocopy GCNQSDĐ số R422407, thửa đất số 16341c, tờ bản đồ số 70 hiện Vân H1 đang thế chấp tại Ngân hàng S giao cho Quê, thì Q nói với Vân H1 biết, người trực tiếp thuê đối tượng khác làm giả cho Vân H1 là Trần Đình M. Khoảng 03 ngày sau, M yêu cầu Vân H1 chụp hình chứng minh nhân dân gửi qua ứng dụng zalo cho M thông qua số điện thoại đăng ký trên ứng dụng zalo của M số 0944415779 và Vân H1 số 0354347475 để M thực hiện việc làm giả GCNQSDĐ như Vân H1 với Q đã thỏa thuận.

Sau đó, M tìm hiểu trên mạng xã hội Facebook thì có trang đăng làm giấy tờ giả nên M đã dùng điện thoại di động nêu trên liên hệ qua Facebook với một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) rồi thuê người này làm giả GCNQSDĐ cho Vân H1 với số tiền công là 20.000.000 đồng. M dùng điện thoại di động vào Facebook rồi gửi hình ảnh chứng minh nhân dân và các thông tin khác của Vân H1 cho người này. Khoảng 30 ngày sau, M nhận được GCNQSDĐ

giả có số BH 090659 mang tên Phạm Thị Vân H1 rồi giao cho Q để Q giao cho V H1. Sau đó, Q dùng điện thoại di động số 0335916216 gọi cho Vân H1 đến nhà Q để nhận GCNQSDĐ giả và trả tiền công làm giả giấy này là 20.000.000 đồng, nhưng Vân H1 chưa có tiền khất nợ Q. Sau khi sử dụng Giấy này vay được tiền thì sẽ trả tiền công làm giả cho Q.

Sau khi nhận được GCNQSDĐ giả, Vân H1 trao đổi với chồng là Nguyễn Thành N về nội dung H đã nhờ người làm giả GCNQSDĐ trên, mục đích để vay vốn Ngân hàng trả nợ thì N đồng ý. Đến tháng 5/2020, vì cần tiền phục vụ sinh hoạt trong gia đình nên Vân H1 đã đến Ngân hàng S thế chấp GCNQSDĐ giả nêu trên để vay tiền.

Ngày 27/5/2020, Vân H1, N và đại diện Ngân hàng S tiến hành lập Hợp đồng thế chấp vay vốn tại Văn phòng Công chứng C, bằng GCNQSDĐ số BH 090659 giả, với giá trị hợp đồng thế chấp cho vay là 200.000.000 đồng. Sau khi thẩm định, Ngân hàng đồng ý cho Vân H1 và N vay 200.000.000 đồng. Mặc dù biết rõ H sử dụng GCNQSDĐ giả để vay tiền, nhưng N vẫn đồng ý ký các thủ tục trong hồ sơ. Sau đó, Ngân hàng giao cho Vân H1 một phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để H đi chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thì H giao lại cho M để làm giả chứng nhận này.

Sau đó, M tiếp tục nhờ người đàn ông nêu trên làm giả 01 tờ giấy ghi trang bổ sung GCNQSDĐ giả này, có chữ ký giả của Phan Thiên P và đóng con dấu giả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C; đồng thời làm giả chữ ký của Phan Thiên P và đóng con dấu giả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trong phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp của Ngân hàng.

Sau khi nhận các giấy tờ giả này, ngày 28/5/2020, Vân H1 đưa toàn bộ hồ sơ đến Ngân hàng nộp và trong lúc chờ giải ngân 200.000.000 đồng, thì Ngân hàng nghi ngờ GCNQSDĐ số BH 090659 là giả nên đã liên hệ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để xác minh thì phát hiện Phạm Thị Vân H1 không đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để đăng ký thế chấp, chữ ký đứng tên Phan Thiên P và con dấu có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” có dấu hiệu bị làm giả. Sau đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\* Tại Kết luận giám định số 596/PC09, ngày 27/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:***

1. Chữ ký đứng tên Trần Đình N1 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Trần Đình N1 trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ

M1 đến M9, không phải do cùng một người kí ra.

2. Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN C– TỈNH ĐẮK LẮK ★” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, không bị chỉnh sửa nội dung.

3. Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN C– TỈNH ĐẮK LẮK ★” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M10, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký đứng tên Phan Thiên P trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với chữ ký đứng tên Phan Thiên P trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M12, không phải do cùng một người kí ra.

5. Hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2, được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp, không bị chỉnh sửa.

6. Hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với hình dấu có cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M6, M8, M9, M11, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

7. Chữ ký đứng tên Phan Thiên P trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký đứng tên Phan Thiên P trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M12, không phải do cùng một người kí ra.

8. Hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A3, được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp, không bị chỉnh sửa nội dung.

9. Hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M6, M8, M9, M11, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

10. Chữ ký đứng tên Phạm Thị Vân H1 trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký đứng tên Phạm Thị Vân H1 trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M13, do cùng một người kí ra.

11. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thành N trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thành N trong các tài liệu mẫu so sánh kí

hiệu M14, do cùng một người ký ra.

12. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: BH 090659” (kí hiệu A1) so với các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M6 đến M9, không cùng một loại phôi.

**Tại Kết luận giám định số 831/KLGD-PC09, ngày 16/9/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, thể hiện:**

1. Chữ ký mang tên Huỳnh Tôn T1 trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Huỳnh Tôn T1 trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG GIAO DỊCH H NGÂN HÀNG S CHI NHÁNH ĐẮK LẮK TP. B – T. ĐAK LAK nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ SQĐ: 126 – C.T.C.P ★ nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1, được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp. Nội dung hình dấu không bị chỉnh sửa.

3. Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG GIAO DỊCH H NGÂN HÀNG S CHI NHÁNH ĐẮK LẮK TP. B – T. ĐAK LAK nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ SQĐ: 126 – C.T.C.P ★ nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG GIAO DỊCH H NGÂN HÀNG S CHI NHÁNH ĐẮK LẮK TP. BUON MA THUOT – T. ĐAK LAK nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★ SQĐ: 126 – C.T.C.P ★ nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C ★” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, là do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị K trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị K trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, không phải do cùng một người ký ra.

**\* Tại Kết luận giám định số 365/KLGD-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:**

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc N trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với những chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc N trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M12 đến M16, là không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN K T. ĐẮK LẮK ★” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M12 đến M16, là không cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Phan Thiên P trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Phan Thiên P trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M22 đến M26, là không phải do cùng một người ký ra.

4. Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK ★ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn có nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M22 đến M26, là không cùng một con dấu đóng ra.

5. Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kí hiệu A1) so với phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kí hiệu từ M7 đến M11), là không cùng một loại phôi.

6. Chữ ký mang tên Trần Đình N trên tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với chữ ký đứng tên Trần Đình N trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5, là không phải do cùng một người ký ra.

7. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH ĐẮK LẮK ★” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6, là không cùng một con dấu đóng ra.

8. Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (kí hiệu A2) so với phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (kí hiệu từ M17 đến M21), là không cùng một loại phôi.

**\* Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 152/KIGĐ ngày 20/7/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận đối với Nguyễn Thành N:**

Tại thời điểm phạm tội và hiện tại bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

**\* Vật chứng thu giữ:**

- 01 GCNQSDĐ số BH 090659 mang tên Phạm Thị Vân H1, kèm theo 01 trang bổ sung Giấy chứng nhận;

- 01 Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 27/5/2020;

- 01 CNQSDĐ số BH002930 mang tên Trần Đình M và Phan Thị H, kèm theo 01 trang bổ sung Giấy chứng nhận;

- 01 GCNQSDĐ số V545193 mang tên Trần Đình M.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đình M 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phan Thị H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Vân H1, Trần Thị Q và Nguyễn Thành N; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2022 các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo H thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm thứ yếu, bị cáo là vợ của bị cáo M trong cùng vụ án này. Vì vậy cần căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, 357 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đình M 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phan Thị H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước nên trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 05/2020, bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H và Phạm Thị Vân H1 làm giả các GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện K, GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện C và Giấy bổ sung GCNQSDĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và 03 con dấu của Ủy ban nhân dân huyện K, Ủy ban nhân dân huyện C và của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (trong đó bị cáo Trần Đình M cùng vợ là bị cáo Phan Thị H làm giả 03 con dấu; M cùng bị cáo Phạm Thị Vân H1 làm giả 02 con dấu). Mục đích làm giả các tài liệu, con dấu nêu trên là để thế chấp vay vốn của Ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với 02 tình tiết định khung tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

**[2]** Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H, thì thấy:

Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Trần Đình M và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Phan Thị H là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, căn cứ vào Điều 355, 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm

số 13/2022/HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về phân hình phạt.

**[3]** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[4]** Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về phân hình phạt.

**[1]** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Bị cáo **Trần Đình M** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Bị cáo **Phan Thị H** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

**[2]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[3]** Về án phí: Các bị cáo Trần Đình M, Phan Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trịnh Văn Toàn**